

MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN QUẾ HỮU CƠ THEO CHUỖI GIÁ TRỊ Ở TỈNH YÊN BÁI

LÊ VĂN HÀ

Tóm tắt: Trong những năm gần đây, Yên Bái đang đẩy mạnh phát triển quế hữu cơ với mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị giữa nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp. Tỉnh đã ban hành một số chính sách ưu đãi để thu hút, thúc đẩy các doanh nghiệp, hợp tác xã liên kết với các hộ nông dân trong sản xuất quế hữu cơ, nhưng kết quả thu được còn khá khiêm tốn so với tiềm năng phát triển. Dưới góc nhìn địa lý kinh tế và phân tích chuỗi giá trị, bài viết làm rõ thực trạng phát triển một số mô hình liên kết trong phát triển quế hữu cơ; nhận diện các hạn chế trong chuỗi liên kết giữa nông dân với các chủ thể khác trong mỗi chuỗi liên kết. Từ đó, đề xuất một số hàm ý để hoàn thiện và nâng cao chất lượng của mô hình phát triển quế hữu cơ theo chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

Từ khoá: chuỗi giá trị, quế hữu cơ, Yên Bái

ORGANIC CINNAMON DEVELOPMENT MODEL ALONG THE VALUE CHAIN IN YEN BAI PROVINCE

Abstract: In recent years, Yen Bai province has been promoting the development of organic cinnamon with a production model based on the value chain between farmers, cooperatives and businesses. This province has issued a number of preferential policies to attract and promote businesses and cooperatives to link with farmers in organic cinnamon production, but the obtained results are still modest compared to Yen Bai province' development potentials. From the perspective of economic geography and value chain analysis, this article focuses on clarifying the current situation of developing a number of linkage models in organic cinnamon development; identifying limitations in the chain between farmers and other actors in each chain. From the research findings, the author proposes some implications to perfect and improve the quality of the organic cinnamon development model along the value chain in Yen Bai province.

Keywords: value chain, organic cinnamon, Yen Bai province

1. Đặt vấn đề

Liên kết phát triển nông nghiệp theo chuỗi giá trị giữa nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp là mô hình hiệu quả nhất hiện nay đang được áp dụng ở nhiều nơi trên thế giới. Bởi vì phát triển theo chuỗi giá trị chú trọng vào phát triển bền vững, kiểm soát và nâng cao chất lượng của sản phẩm, sản xuất gắn với nhu cầu thị trường, hài hoà mối quan tâm và lợi ích của các bên trong chuỗi giá trị. Mục tiêu của chuỗi

giá trị là tăng năng suất, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng khả năng tiếp cận các đầu vào, củng cố mối quan hệ trong chuỗi giá trị và cải thiện môi trường. Phát triển theo chuỗi giá trị cũng dễ dàng quản lý, kiểm soát chất lượng [3].

Quế là cây trồng có giá trị kinh tế cao, phù hợp với một số khu vực miền núi. Hầu hết các bộ phận của cây quế có thể sử dụng để chế biến thành nhiều sản phẩm có giá trị (như vỏ làm quế thanh hoặc chế biến thành bột quế và tinh dầu

quế; thân và cành quế được sử dụng làm đồ nội thất hoặc các sản phẩm thủ công mỹ nghệ...). Ngoài ra, các chất thải từ quá trình chưng cất tinh dầu quế có thể tiếp tục tạo ra giá trị kinh tế và giá trị sử dụng (làm chất đốt cho các lò hơi hoặc làm phân bón hữu cơ).

Yên Bái là địa phương có diện tích quế lớn nhất ở Việt Nam. Tổng diện tích quế của Yên Bái (cuối năm 2021) đạt khoảng 80 nghìn ha, chiếm 53,3% diện tích quế cả nước. Quế được trồng tập trung nhiều ở các huyện như Văn Yên, Văn Chấn và Trấn Yên. Phát triển quế hữu cơ theo mô hình chuỗi liên kết giữa nông dân với các chủ thể kinh tế khác đang được tỉnh Yên Bái đẩy mạnh. Mô hình này đã chứng minh được tính hiệu quả về mặt kinh tế, xã hội và môi trường. Tuy nhiên, số doanh nghiệp, hợp tác xã (HTX) tham gia cũng như diện tích quế hữu cơ còn khá nhỏ so với tổng diện tích quế của tỉnh, năm 2021, diện tích quế hữu cơ chỉ chiếm 8,57%. Câu hỏi đặt ra là mô hình phát triển quế hữu cơ theo chuỗi giá trị ở Yên Bái hiện nay như thế nào? Có những hạn chế nào cần cải thiện để mô hình hoạt động tốt hơn?

Nghiên cứu chuỗi giá trị nông nghiệp đã thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu, nhà hoạch định chính sách [3, 5]. Tuy nhiên, nghiên cứu chuỗi giá trị quế hữu cơ, đặc biệt là tiếp cận nghiên cứu địa lý kinh tế về chuỗi hữu cơ hiện nay còn khá khiêm tốn.

Bài báo tiếp cận dưới góc nhìn của địa lý kinh tế và phân tích chuỗi giá trị, từ đó nhận diện các hạn chế trong chuỗi liên kết giữa nông dân với các chủ thể khác trong mỗi chuỗi liên kết, đề xuất một số hàm ý để hoàn thiện, nâng cao chất lượng của mô hình phát triển quế hữu cơ theo chuỗi giá trị của tỉnh Yên Bái.

2. Cơ sở dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở dữ liệu

Bài viết sử dụng nguồn dữ liệu thứ cấp (số liệu thống kê và báo cáo của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Yên Bái); nguồn dữ liệu sơ cấp thu thập thông qua phỏng vấn sâu với 4 HTX, 3 doanh nghiệp, 10 người dân và thảo luận nhóm với lãnh đạo Sở, chuyên viên của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

(1) Phân tích chuỗi giá trị

Sử dụng phương pháp phân tích chuỗi giá trị theo lý thuyết của Porter (1985), để xem xét toàn diện giá trị tạo ra ở từng công đoạn, liên kết trong chuỗi giá trị; quá trình phân bổ, quản lý các nguồn lực bên trong và giữa các doanh nghiệp, người dân trong một chuỗi; mối quan hệ giữa các bên liên quan trong chuỗi.

Mục đích của phân tích chuỗi giá trị là để cải thiện năng lực cạnh tranh, nâng cao chất lượng và hiệu quả của chuỗi; phát hiện vai trò cũng như lợi ích nhận được của mỗi bên trong chuỗi, các khoảng trống, bất cập cần khắc phục.

(2) Phương pháp phân tích, tổng hợp và so sánh

Phân tích, đánh giá, so sánh để làm rõ thực trạng liên kết phát triển quế hữu cơ trên địa bàn tỉnh Yên Bái thông qua một số nghiên cứu trường hợp.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Khái quát tình hình phát triển quế hữu cơ trên địa bàn Yên Bái

Tính đến cuối năm 2021, diện tích quế hữu cơ ở Yên Bái là 9.212,5 ha (tăng gấp hơn 20 lần so với năm 2006), sản lượng là 6,4 nghìn tấn. Diện tích quế hữu cơ chỉ chiếm khoảng 8,57% so với tổng diện tích quế trên toàn tỉnh. Có thể thấy dư địa mở rộng qui mô sản xuất quế hữu cơ ở Yên Bái còn khá lớn, vì nhu cầu thị trường thế giới đối với quế hữu cơ đang tăng trưởng nhanh (khoảng 8 - 15%/năm), biên độ diện tích có thể mở rộng gấp 3 - 4 lần so với hiện nay.

Hiện có 3 công ty và 2 HTX tham gia sản xuất quế hữu cơ theo mô hình chuỗi giá trị với 3 kiểu mô hình: (1) Mô hình liên kết giữa HTX với

người nông dân; (2) Mô hình liên kết giữa doanh nghiệp với người nông dân; (3) Mô hình liên kết 3 bên giữa HTX, doanh nghiệp và người dân [4].

Bảng 1. Diện tích, HTX, DN phát triển quế hữu cơ trên địa bàn tỉnh Yên Bái

Theo các tiêu chuẩn	Diện tích (ha)	Số HTX	Số doanh nghiệp	Số hộ	Sản lượng (tấn)	Thị trường xuất khẩu
Tiêu chuẩn Việt Nam	45	1	-	25	360	Tiêu thụ trong nước
Theo tiêu chuẩn quốc tế	9.212,5	1	3	923	6.422	Châu Âu, Mỹ, Nhật, Hàn Quốc, Ấn Độ

Nguồn: Sở NN & PTNT tỉnh Yên Bái (2022).

Ở mô hình thứ nhất, có 1 HTX và 25 hộ dân tham gia. Mô hình thứ hai, có 2 doanh nghiệp tham gia (Công ty TNHH Hương Gia vị Sơn Hà và Công ty TNHH Olam Việt Nam) và người dân. Mô hình thứ ba, liên kết giữa HTX Quế hồi Việt Nam - Công ty Quế hồi Việt Nam và các hộ trồng quế).

Sự khác biệt lớn nhất giữa 3 mô hình là các chủ thể tham gia, cách thức tổ chức mô hình, chính sách của chủ thể chính (doanh nghiệp) để kiểm soát chất lượng, duy trì tính ổn định của vùng, tiêu chuẩn sản phẩm hữu cơ (quốc tế, Việt Nam), thị trường tiêu thụ sản phẩm.

3.2. Các mô hình liên kết phát triển quế hữu cơ

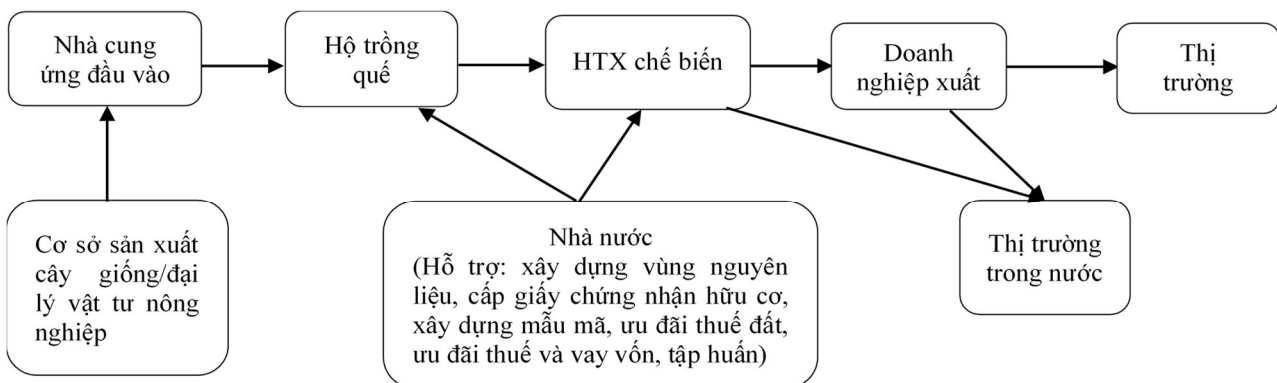
3.2.1. Mô hình liên kết giữa HTX và hộ trồng quế

Mô hình này có hai chủ thể chính là HTX và các hộ trồng quế. Các chủ thể liên kết với nhau

thông qua cam kết bao tiêu sản phẩm.

Trong mô hình này, các hộ trồng quế đóng vai trò là nhà sản xuất, HTX là bên thu, chế biến và phân phối sản phẩm do người nông dân sản xuất; nhà nước (Sở NN&PTNT) đóng vai trò hỗ trợ, tạo điều kiện để các chủ thể tham gia liên kết, cấp chứng nhận tiêu chuẩn hữu cơ theo tiêu chuẩn Việt Nam.

Tuy nhiên, qui mô của mô hình khá nhỏ, diện tích sản xuất mới đạt 45 ha, 25 hộ tham gia. HTX chỉ thu mua lá quế để chế biến tinh dầu, các sản phẩm còn lại (vỏ quế, cành quế, thân quế) được các hộ trồng quế bán cho các doanh nghiệp, HTX khác (Hình 1). Sự hỗ trợ của nhà nước cho mô hình còn khiêm tốn, tập trung chủ yếu vào tập huấn nâng cao năng lực, qui hoạch vùng nguyên liệu, ưu đãi thuế.



Hình 1. Mô hình liên kết phát triển quế hữu cơ theo chuỗi giá trị giữa HTX và hộ trồng quế (huyện Trấn Yên)

Sản phẩm chính của HTX là tinh dầu quế, được tiêu thụ ở cả thị trường trong nước và nước ngoài. Thị trường xuất khẩu chính của HTX chủ yếu là Trung Quốc, nơi có yêu cầu chưa cao về chất lượng, qui trình sản xuất theo tiêu chuẩn của sản phẩm hữu cơ.

Kết quả nghiên cứu thực tế cho thấy, mô hình này đang gặp nhiều khó khăn như chưa xây dựng được thị trường ổn định cho sản phẩm; thiếu vốn đầu tư công nghệ; khó tiếp cận với vốn do không có tài sản thế chấp; thiếu kỹ năng quản lý và tiếp thị sản phẩm; giá quế hữu cơ không có sự khác biệt nhiều với loại quế thông thường trên thị trường dẫn đến thực trạng người dân chưa thực sự mặn mà với trồng quế theo hướng hữu cơ; liên kết giữa HTX và các hộ nông dân còn khá yếu, chưa có sự ràng buộc chặt chẽ giữa hai bên.

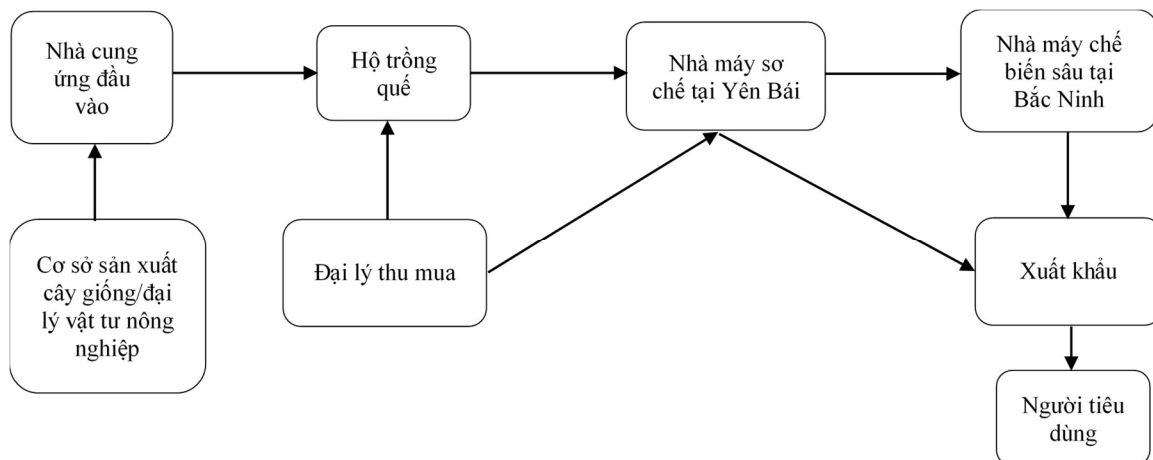
Ngoài ra, HTX chưa có các chính sách quản lý chất lượng vùng nguyên liệu hữu cơ một cách hiệu quả, chặt chẽ. Các biện pháp quản lý vùng nguyên liệu chủ yếu là tuyên truyền các hộ trồng quế, tập huấn sản xuất hữu cơ thông qua sự hỗ trợ của chính quyền địa phương trong giai đoạn đầu triển khai mô hình, khâu kiểm tra và giám sát chưa thực hiện thường xuyên. HTX cũng chưa có chính sách hỗ trợ đối với hộ nông dân trồng quế tham gia mô hình.

3.2.2. Mô hình liên kết giữa doanh nghiệp và hộ trồng quế

Mô hình liên kết theo chuỗi giá trị giữa doanh nghiệp (Công ty TNHH Hương Gia vị Sơn Hà) với các hộ trồng quế là hình thức tổ chức sản xuất quế hữu cơ đạt hiệu quả cao, bền vững trên địa bàn tỉnh Yên Bái. Mô hình này bắt đầu triển khai từ năm 2006 trước khi các chính sách phát triển nông nghiệp theo hướng hữu cơ và phát triển nông nghiệp theo chuỗi giá trị hàng hóa được triển khai rộng trên địa bàn tỉnh.

Công ty TNHH Hương Gia vị Sơn Hà là một công ty tư nhân 100% vốn nước ngoài. Giai đoạn đầu khi triển khai theo hướng sản xuất hữu cơ, Công ty chỉ có diện tích khoảng 8 ha, mở rộng dần lên 300 ha (năm 2011 - 2012). Đến năm 2023, diện tích vùng nguyên liệu hữu cơ của Công ty tăng lên 3.541,5 ha. Công ty đã ký kết liên kết bao tiêu sản phẩm cho 743 hộ trồng quế theo tiêu chuẩn hữu cơ (được cấp chứng nhận tiêu chuẩn Châu Âu, Mỹ, Nhật Bản).

Mô hình có 3 chủ thể chính: doanh nghiệp, các hộ trồng quế và đại lý thu mua. Các hộ nông dân đóng vai trò là nhà sản xuất. Doanh nghiệp là bên thu mua, chế biến và phân phối sản phẩm tới người tiêu dùng. Các đại lý thu mua là bên trung gian hỗ trợ doanh nghiệp thu mua sản phẩm, kiểm soát chất lượng vùng nguyên liệu vừa cung cấp thông tin về chính sách, yêu cầu, qui định sản xuất sản phẩm hữu cơ của công ty đến các hộ dân (Hình 2).



Hình 2. Mô hình liên kết theo chuỗi giá trị giữa doanh nghiệp với hộ trồng quế

Chính sách của Công ty đối với đại lý và người nông dân trong liên kết: bao tiêu toàn bộ sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm thường đối với các hộ đã ký kết; thưởng cho đại lý và người nông dân tuân thủ tốt qui trình sản xuất hữu cơ hoặc đạt sản lượng tốt. Chính vì vậy, người nông dân và đại lý gắn bó với doanh nghiệp và cùng tham gia duy trì chất lượng.

Để kiểm soát chất lượng nguyên liệu đầu vào, công ty cử một cán bộ chuyên trách quản lý các đại lý. Toàn bộ mặt hàng quê hữu cơ được thu mua thông qua các đại lý dưới sự giám sát của cán bộ quản lý đại lý. Đây là điểm khác biệt của mô hình liên kết này so với mô hình thứ nhất là công ty chứng nhận vùng nguyên liệu hữu cơ đến từng gia đình, mảnh đất, lấy mẫu; chính sách thu mua theo giá thị trường; chính sách thưởng đối với các hộ và đại lý tuân thủ tốt qui định; công ty có năng lực mở rộng và duy trì thị trường xuất khẩu ổn định.

Trong mô hình này, nhà nước đóng vai trò hỗ trợ qui hoạch vùng nguyên liệu. Tuy nhiên, còn thiếu công cụ trong kiểm soát chất lượng sản phẩm hữu cơ theo tiêu chuẩn quốc tế. Các hoạt động chứng nhận sản phẩm hữu cơ theo tiêu chuẩn quốc tế do doanh nghiệp thực hiện và chi trả.

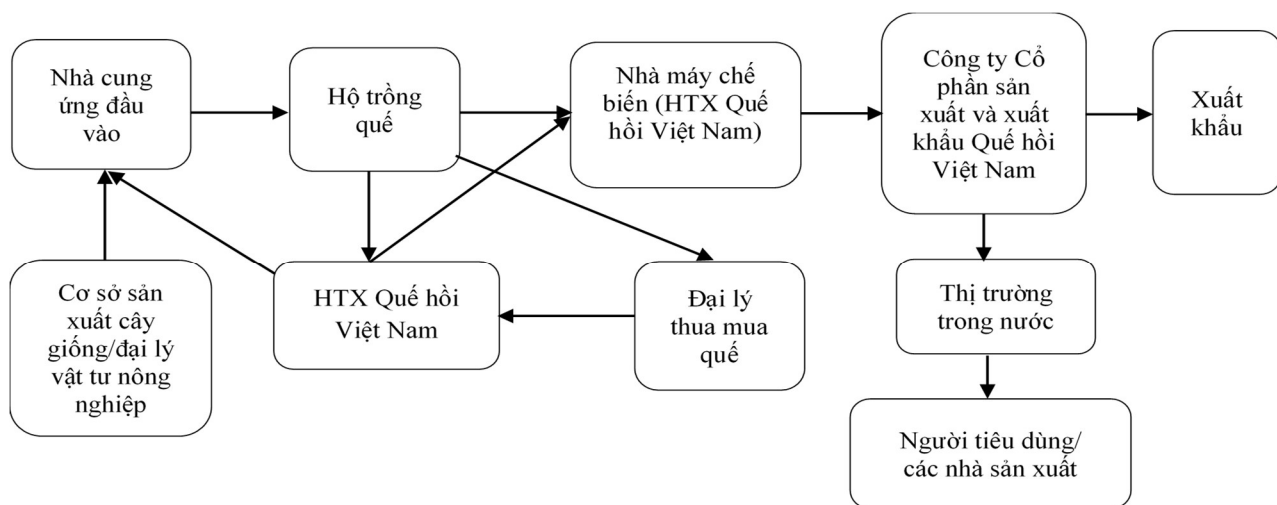
3.2.3. Mô hình liên kết giữa HTX - doanh nghiệp - hộ trồng quê hữu cơ

Mô hình liên kết theo chuỗi giá trị giữa HTX Quế hồi - Công ty Vinasamex - các hộ trồng quê. Đây là mô hình liên kết 3 bên.

HTX Quế hồi Việt Nam và Công ty Vinasamex ký kết bao tiêu sản phẩm cho hơn 774 hộ trồng quê theo tiêu chuẩn hữu cơ của Liên minh châu Âu, Nhật Bản và Hàn Quốc. Tiêu chuẩn hữu cơ ở các quốc gia này đòi hỏi qui trình rất chặt chẽ với những tiêu chuẩn cho vùng nguyên liệu, sản xuất và chế biến, như không sử dụng phân bón hóa học, thuốc diệt cỏ, thuốc trừ sâu, không sử dụng hoá chất...

Qui mô vùng nguyên liệu của HTX tại Yên Bái khoảng 2.100 ha, diện tích trung bình mỗi hộ 2 - 3 ha. Vùng nguyên liệu và các sản phẩm của HTX, Công ty Vinasamex đã được cấp giấy chứng nhận hữu cơ theo tiêu chuẩn châu Âu và Mỹ (cấp lần đầu vào năm 2020).

Theo mô hình chuỗi giá trị, HTX chịu trách nhiệm về tổ chức sản xuất, quản lý chất lượng vùng nguyên liệu và tổ chức thu mua sản phẩm của người nông dân (trực tiếp thu mua của hộ trồng quê hoặc thu mua qua các đại lý trung gian (Hình 3).

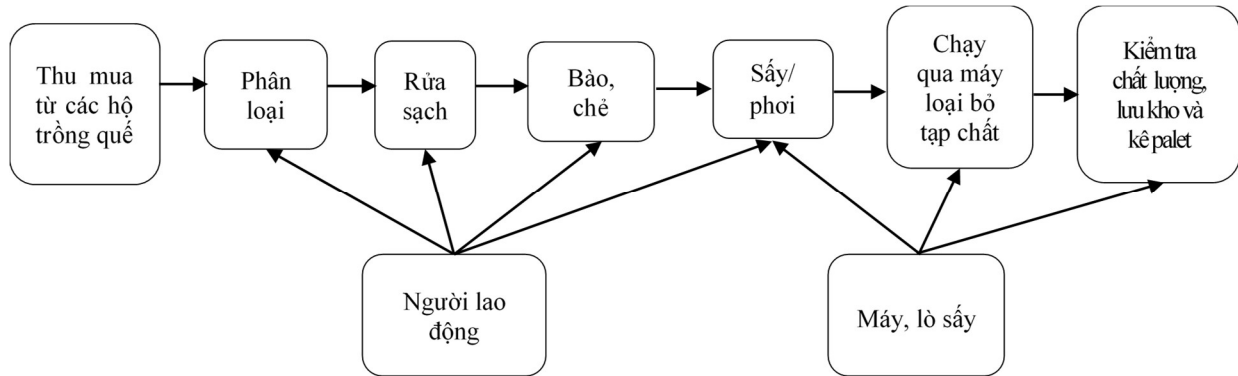


Hình 3. Mô hình liên kết theo chuỗi giá trị giữa HTX - doanh nghiệp - hộ trồng quê

HTX Quế hồi Việt Nam là mô hình HTX kiểu mới, với sự tham gia của nhiều thành phần, gồm 22 thành viên (đại diện công ty Vinasamex, người nông dân trồng quế). HTX thành lập từ năm 2017 theo chính sách phát triển quế theo mô hình liên kết theo chuỗi giá trị của Trung ương và của tỉnh Yên Bái. Từ diện tích ban đầu 90 ha, HTX đã mở rộng vùng nguyên liệu quế

hữu cơ lên 2.100 ha vào năm 2023 tại 4 xã (Đàn Thạch, Hòa Cường, Việt Thành, Tân Đồng).

Quy trình chế biến: quế được thu mua từ các hộ dân sẽ đưa vào qui trình sản xuất của Công ty Vinasamex. Các công đoạn chế biến được quản lý chặt chẽ theo tiêu chuẩn sản xuất hữu cơ từ khâu chọn lọc, rửa, bào, chẻ, sấy hoặc phơi, kiểm tra chất lượng, lưu kho và kê palet (Hình 4).



Hình 4. Quy trình chế biến quế tại HTX Quế hồi Việt Nam

Công ty Vinasamex giữ vai trò chế biến, đóng gói, quảng bá, tiếp thị sản phẩm và xuất khẩu quế, đồng thời công ty cũng là một thành viên của HTX (với tư cách giám đốc HTX).

Người nông dân trồng quế tham gia vào chuỗi liên kết với vai trò là người sản xuất, cung cấp sản phẩm quế (quế khô, quế tươi, lá quế) cho HTX theo hợp đồng cam kết ký với HTX. Để kiểm soát và quản lý chất lượng, các hộ trồng quế được chia thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm có trưởng nhóm. Trưởng nhóm chịu trách nhiệm giám sát các hộ dân tham gia (Công ty, HTX cũng thực hiện giám sát các nhóm theo kế hoạch hoặc

kiểm tra đột xuất). Trưởng nhóm nhận được khoản kinh phí hỗ trợ hàng tháng để thực hiện công việc điều hành sản xuất và giám sát hoạt động của nhóm.

Chế độ khen thưởng đối với người nông dân: khi đến kỳ thu hoạch, các hộ tuân thủ tốt các qui định của công ty về canh tác hữu cơ sẽ được công ty tổ chức mua tại rừng thông qua các đại lý hoặc trực tiếp HTX thu mua.

So sánh giữa sản xuất quế hữu cơ và quế thông thường tại thời điểm năm 2022 cho thấy, trồng quế hữu cơ có hiệu quả cao hơn so với quế thông thường từ 1,5 - 2 lần, thậm chí có hộ còn cao hơn (Bảng 2).

Bảng 2. So sánh giữa quế sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ và quế thông thường

Giá trị các sản phẩm	Quế hữu cơ (theo tiêu chuẩn quốc tế)	Quế thông thường
Vỏ quế tươi (nghìn đồng/kg)	27 – 28	24 - 25
Vỏ quế khô (nghìn đồng/kg)	135 - 140	58 - 59
Lá quế (nghìn đồng/kg)	2 - 3	1,8 - 2
Giá trị sản xuất/ha (triệu đồng /ha)	70 - 80	40 - 45

Nguồn: Kết quả khảo sát tại Yên Bái, 2022.

Từ thực tế ở Yên Bái cho thấy, trồng quế hữu cơ có lợi hơn so với nhiều cây trồng khác, giá cả tăng lên hàng năm; nhu cầu thị trường thế giới đối với quế hữu cơ còn khá lớn. Do đó, người nông dân trồng quế thu hoạch bao nhiêu, các doanh nghiệp thu mua hết bấy nhiêu. Các liên kết giữa HTX - doanh nghiệp và các hộ nông dân trong mô hình tương đối chặt chẽ, đảm bảo tính bền vững.

3.3. Một số hạn chế trong triển khai mô hình phát triển quế hữu cơ

Từ kết quả nghiên cứu ba mô hình phát triển quế hữu cơ tại tỉnh Yên Bái cho thấy một số hạn chế trong phát triển quế hữu cơ:

Thứ nhất, sự tham gia của nhà nước trong qui trình quản lý về chứng nhận hữu cơ (cấp chứng nhận, đánh giá, quản lý, theo dõi gắn với chứng nhận hữu cơ quốc tế trên địa bàn tỉnh) còn hạn chế. Vai trò quản lý nhà nước trong canh tác hữu cơ còn mờ nhạt. Hiện nay, các cơ quan quản lý và ban ngành chức năng có liên quan mới chỉ dừng lại ở việc kết hợp với các doanh nghiệp, HTX trong xử lý một số vi phạm của người nông dân.

Thứ hai, trong quản lý chất lượng hữu cơ, chưa có sự thống nhất và chưa có biện pháp quản lý hiệu quả. Hiện nay, 70-80% sản phẩm quế đã được sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ, nhưng chưa có chứng nhận là sản phẩm hữu cơ. Nguyên nhân là do chi phí chứng nhận hữu cơ cao, các HTX và hộ nông dân không có khả năng chi trả.

Ba là, nguồn vốn để phát triển quế hữu cơ, đặc biệt là duy trì chứng nhận hữu cơ theo tiêu chuẩn là rất lớn. Đối với một số HTX nhận được sự hỗ trợ lần đầu của địa phương hoặc các dự án để có được chứng nhận hữu cơ theo tiêu chuẩn Việt Nam. Tuy nhiên, để duy trì việc cấp lại chứng nhận thì HTX không đủ điều kiện tài chính.

Bốn là, việc định vị sản phẩm hữu cơ so với sản phẩm thông thường ở thị trường trong nước không có nhiều khác biệt về giá cả. Bởi vì, người tiêu dùng trong nước chưa quan tâm nhiều đến sản phẩm hữu cơ và các ý nghĩa về mặt chất lượng, môi trường của sản phẩm.

Năm là, cơ chế hỗ trợ kinh phí cho chứng nhận hữu cơ chưa tạo thuận lợi nhất cho người dân và HTX. Đối với các tổ chức, cá nhân được hỗ trợ kinh phí cho chứng chỉ hữu cơ chỉ được nhận khoản hỗ trợ khi đã có chứng chỉ. Đây cũng chính là một trong những nguyên nhân khiến các doanh nghiệp, HTX không nhận được sự hỗ trợ theo chính sách chung.

4. Kết luận và khuyến nghị

Mô hình phát triển quế hữu cơ theo chuỗi giá trị giữa nông dân với các chủ thể (HTX, doanh nghiệp) đã phát triển rất nhanh trên địa bàn tỉnh Yên Bái. Các mô hình liên kết phát triển khá đa dạng, có sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế (nông dân, HTX, doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp nước ngoài).

Mô hình liên kết sản xuất quế hữu cơ theo chuỗi giá trị đã có những đóng góp tích cực vào nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường trong nước, quốc tế; hỗ trợ người dân tiếp cận với đầu vào sản xuất (phương pháp sản xuất hữu cơ, vốn, kỹ thuật...); hỗ trợ người dân tiếp cận thị trường thế giới; nâng cao thu nhập; bảo vệ môi trường.

Đối với mô hình phát triển quế hữu cơ, bên cạnh vai trò nòng cốt là doanh nghiệp thì HTX ngày càng đóng vai trò quan trọng, là cầu nối giữa người nông dân với doanh nghiệp cũng như thu hút được nhiều người dân tham gia vào chuỗi liên kết quế hữu cơ.

Bên cạnh mô hình hiệu quả - mô hình có sự tham gia của doanh nghiệp, HTX quý hữu cơ mới thành lập còn gặp nhiều khó khăn, hạn chế như thiếu kinh nghiệm, năng lực, thiếu vốn và khó khăn trong tiếp cận với nguồn vay vốn... dẫn tới hiệu quả hoạt động chưa cao. Mặc dù tỉnh Yên Bái đã ban hành một số chính sách ưu tiên cho mô hình liên kết giữa các HTX, doanh nghiệp với các hộ nông dân, song các mức hỗ trợ cho các mô hình còn khá nhỏ so với nhu cầu phát triển của HTX. Ngoài ra, số lượng HTX liên kết sản xuất quý hữu cơ còn khá khiêm tốn.

Để cải thiện và nâng cao hiệu quả mô hình liên kết phát triển quý hữu cơ theo chuỗi giá trị, bài báo đề xuất một số khuyến nghị:

Thứ nhất, nhà nước nên có các cơ chế, chính sách ưu tiên cho phát triển quý hữu cơ để khuyến khích các HTX, doanh nghiệp và người nông dân tham gia liên kết theo chuỗi giá trị; khuyến khích người dân tham gia vào các HTX theo khả năng, nhu cầu và đảm bảo phân phối công bằng lợi ích.

Thứ hai, tháo gỡ khó khăn trong tiếp cận vốn, khoa học kỹ thuật, công nghệ sản xuất cho các HTX sản xuất quý hữu cơ. Trong đó, cần quan tâm mở rộng các chuỗi với sự tham gia của các bên liên quan khác như các doanh nghiệp, HTX nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ, doanh nghiệp chế biến sâu và doanh nghiệp phân phối sản phẩm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2022), *Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2022), *Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới*.
3. Narula, Sapna A, Raj, S.P (2023), *Sustainable Food Value Chain Development: Perspectives from Developing and Emerging Economies*, Springer Nature, Singapore Pte Ltd.
4. Phạm Thị Trâm và nnk (2022), *Phát triển nông nghiệp hữu cơ tại tỉnh Hà Giang và Yên Bái*, Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài khoa học cấp Bộ 2021 - 2022, Viện Địa lý nhân văn.
5. Nguyen Thang, Pham Minh Thai, Vu Hoang Dat and Vu Thi Van Ngoc (2022), *Agricultural exports from Vietnam to China: A value chain analysis of dragon fruit and coffee*, In: *Agricultural trade between China and the greater Mekong Subregion Countries*, ISEAS - Yusof Ishak Institute, Singapore.
6. Wang. N, Jiang. Q, Jiang. Bin, He, Zhengwen (2020), *Enterprises' Green Growth Model and Value Chain Reconstruction: Theory and Method*, Springer Nature Singapore Pte Ltd.

Thông tin tác giả:

Lê Văn Hà - Viện Địa lý nhân văn
Địa chỉ liên hệ: 176 Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội
Email: levanhakhxh@gmail.com; ĐT: 0973474310

Nhật ký tòa soạn

Ngày nhận bài: 10/11/2023
Biên tập: 12/2023